TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày 14/10/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Hồng Vũ;

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng;

2. Bà Nguyễn Thị Lan;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam.

Địa chỉ: Đường T, Quận H, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nam N– Phó trưởng phòng khách hàng – Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam chi nhánh Bắc Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1984 và bà Võ Thị H, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã I, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Nam Nlà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam (Gọi tắt là "Ngân hàng") có ký kết 02 hợp đồng tín dụng cho ông Đỗ Văn T và bà Võ Thị H vay tiền, có thế chấp tài sản là các quyền sử dụng đất để bảo đảm cho các khoản vay. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 810/19/CT/BGL ngày 08/4/2019 trị giá 150.000.000 đồng; thời hạn vay vốn: 11 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 9.5%/năm (Lãi suất cho vay được xác định, cố định và ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất thông báo của Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Bắc Gia Lai). Thời hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi vay hàng tháng trong thời hạn 06 ngày, kể từ ngày lên phiếu tính lãi (Ngày 26 hàng tháng). Mục đích vay vốn: Chăm sóc cà phê kinh doanh. Ngày 10/4/2019, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 150.000.0000 đồng cho ông Th, bà H. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản vay này, Ngân hàng và ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/04A/NHNT ngày 08/4/2019. Theo đó, ông Đỗ Văn T và bà Võ Thị H thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất số 49a, thuộc tờ bản đồ số 122 tại xã I, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 810935 do UBND huyện Ia G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/01/2013, người sử dụng đất là ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H.

- Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2726/19/CT/BGL ngày 26/11/2019 trị giá 200.000.000 đồng; thời hạn vay vốn: 11 tháng kể từ ngày rút vốn, lãi suất 9.5%/ năm (Lãi suất cho vay được xác định, cố định và ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất thông báo của Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Bắc Gia Lai). Thời hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi vay hàng tháng trong thời hạn 06 ngày, kể từ ngày lên phiếu tính lãi (Ngày 26 hàng tháng). Mục đích vay vốn: Làm kinh tế gia đình (mua bán và chăm sóc cà phê). Ngày 26/11/2019, Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho ông Th, bà H. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản vay này, Ngân hàng và ông Th, bà H đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 2066/24/12A/NHNT ngày 24/12/2018. Theo đó, ông Đỗ Văn T và bà Võ Thị H thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất số 65, thuộc tờ bản đồ số 65 tại xã Ia N, huyện C, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 311448 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/9/2014, người sử dụng đất là ông Đỗ Văn T và bà Võ Thị H.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Đỗ Văn T và bà Võ Thị H đã vi phạm thỏa thuận về trả lãi và nợ gốc cho Ngân hàng. Cụ thể, đối với Hợp đồng tín dụng số 810/19/CT/BGL ngày 08/4/2019, ông Th, bà H chỉ trả lãi vay đến ngày 26/02/2020 với tổng số tiền 10.562.889 đồng; không trả lãi vay kể từ ngày 27/12/2019 đến nay và chưa trả tiền nợ gốc. Đối với Hợp đồng tín dụng số 2726/19/CT/BGL ngày 26/11/2019 ông Th, bà H chỉ trả lãi vay đến ngày 30/12/2019 với tổng số tiền 1.561.644 đồng; không trả lãi vay kể từ ngày 27/12/2019 đến nay và chưa trả tiền nợ gốc.

Do ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H vi phạm thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Th, bà H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay.Cụ thể:

- Đối với Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 810/19/CT/BGL ngày 08/4/2019, ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H phải trả số tiền là 163.580.125 đồng. Trong

đó, nợ gốc: 150.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn từ ngày 27/12/2019 đến ngày 10/3/2020 (150.000.000 đồng x 75 ngày x 9,5%/năm : 365 ngày – 412.204 đồng (tiền bị đơn đã thanh toán)) là 2.515.878 đồng; nợ lãi quá hạn từ ngày 11/3/2020 đến ngày 14/10/2020 (150.000.000 đồng x 199 ngày x 9,5%/năm x 130% : 365 ngày) là 11.064.247 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2726/19/CT/BGL ngày 26/11/2019, ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H phải trả số tiền là 215.252.055 đồng. Trong đó, nợ gốc: 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn từ ngày 27/12/2019 đến ngày 14/10/2020 (200.000.000 đồng x 293 ngày x 9,5%/năm : 365 ngày) là 15.252.055 đồng.

Tổng cộng, ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam số tiền là 387.832.180 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong toàn bộ nợ gốc. Trường hợp ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H không trả được số nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

2. Ý kiến của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa xét xử vụ án mà không có lý do.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên bị đơn chưa tuân thủ các quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền số tiền nợ vay của 02 hợp đồng tín dụng là 378.832.180 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định. Trường hợp ông Thủy và bà Hiền không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Buộc ông Thủy và bà Hiền phải chịu án phí theo quy định. Ông Thủy và bà Hiền phải trả lại chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tranh chấp trong quá

thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết với ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"quy định tại khoản khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi giao kết hợp đồng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn V, xã I, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về thủ tục tống đạt các Văn bản tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam đã ký kết 02 hợp đồng cho vay ngắn hạn, gồm: Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 810/19/CT/BGL ngày 08/4/2019 trị giá 150.000.000 đồng và Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2726/19/CT/BGL ngày 26/11/2019 trị giá 200.000.000 đồng để cho ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H vay số tiền tổng cộng 350.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 11 tháng, kể từ ngày rút vốn. Theo nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết, bên vay phải có trách nhiệm trả nợ gốc vào cuối kỳ; trả nợ lãi trong thời hạn 06 ngày, kể từ ngày Ngân hàng lên phiếu tính lãi là ngày 26 hàng tháng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng. Cụ thể, kể từ ngày 27/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn không trả lãi hàng tháng như đã thỏa thuận và không trả nợ gốc đã đến hạn đối với Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 810/19/CT/BGL ngày 08/4/2019. Mặc dù phía Ngân hàng đã liên hệ với bị đơn để hai bên có phương án giải quyết nợ vay nhưng bị đơn không đến Ngân hàng để thương lượng; đồng thời bị đơn biết rõ trách nhiệm phải trả nợ lãi hàng tháng cho Ngân hàng nhưng bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, thể hiện ý thức không muốn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

Xét bị đơn đã không trả được nợ gốc khi đến hạn đối với Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 810/19/CT/BGL ngày 08/4/2019 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi như đã thỏa thuận đối với 02 Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc của 02 Hợp đồng cho vay với tổng số tiền 350.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Về lãi suất: Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ"*. Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã ký kết, mức lãi suất cho vay các bên đã thỏa thuận

là 9,5%/năm. Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm đối với 02 Hợp đồng như sau:

- Đối với Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 810/19/CT/BGL ngày 08/4/2019: Nợ lãi trong hạn: 2.515.878 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.064.247 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 2726/19/CT/BGL ngày 26/11/2019: Nợ lãi trong hạn: 15.252.055 đồng.

Tổng cộng, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc và nợ lãi với số tiền là 378.832.180 đồng (Ba trăm tám mươi bảy triệu tám trăm ba mươi hai ngàn một trăm tám mươi đồng).

Trong đó, Hợp đồng cho vay số 810/19/CT/BGL, ngày 10/4/2019 là 163.580.125 đồng (Gồm: Nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.515.878 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.064.247 đồng); Hợp đồng cho vay số 2726/19/CT/BGL, ngày 26/11/2019 là 215.252.055 đồng (Gồm: Nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 15.252.055 đồng).

Ngoài ra, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sở thẩm. Do đó Ngân hàng yêu cầu ông Thủy và bà Hiền phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi bị đơn trả hết số nợ trên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/04A/NHNT ngày 08/4/2019 đối với: Thửa đất số 49a, thuộc tờ bản đồ số 122 tại xã I, huyện Ia G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 810935 do UBND huyện Ia G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/01/2013, đứng tên người sử dụng đất là ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H và Hợp đồng thế chấp tài sản số 2066/24/12A/NHNT ngày 24/12/2018 đối với: Thửa đất số 65, thuộc tờ bản đồ số 65 tại xã Ia N, huyện C, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 311448 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/9/2014, đứng tên người sử dụng đất là ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H. Khi kí kết các hợp đồng này, các bên đều tự nguyện, hợp đồng được công chứng và đăng ký thế chấp tại Cơ quan có thẩm quyền, đúng theo quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Do đó, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[6]Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 7.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (5% x 378.832.180 đồng) = 18.941.609 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam.

Buộc ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 810/19/CT/BGL ngày 08/4/2019 và Hợp đồng tín dụng số 2726/19/CT/BGL ngày 26/11/2019 với tổng số tiền: 378.832.180 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ba mươi hai ngàn một trăm tám mươi đồng), trong đó nợ gốc là 350.000.000 đồng, nợ lãi là 28.832.180 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H không trả được các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, các tài sản được quyền yêu cầu phát mãi gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: BL 810935 do UBND huyện Ia G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/01/2013 đối với Thửa đất số 49a, thuộc tờ bản đồ số 122 tại xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, người sử dụng đất là ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: BT 311448 do UBND huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 16/9/2014 đối với Thửa đất số 65, thuộc tờ bản đồ số 65 tại xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai, người sử dụng đất là ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Văn T, bà Võ Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 18.941.609 đồng (Mười tám triệu chín trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm lẻ chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.036.505 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm lẻ năm đồng). Theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0006028, ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Về thi hành án: Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Vũ